

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày 16-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La

Ông Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 110/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 169, Phố LĐ, HL, Quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng- chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Thị Q- chức vụ Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng A huyện LG (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đại Phú I, thị trấn Vôi, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

-Bị đơn: 1. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

2. Chị Lương Thị TR, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn DT, xã D1, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo nguyên đơn đại diện Ngân hàng A trình bày: Ngày 27/8/2009 N Ngân hàng A chi nhánh

huyện LG có cho gia đình anh Nguyễn Đức H vay vốn chương trình hộ nghèo số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 0,65%/ tháng. Lãi suất quá hạn là 130% lãi suất cho vay. Trong đó lãi suất thực trả sau khi được hỗ trợ từ ngày 18/9 đến ngày 18/11 là 0,32%. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/02/2020 (tính cả thời gian khoan nợ), mục đích vay sử dụng vào mục đích chăn nuôi tại gia đình. Đến hạn trả nợ anh H không trả nợ, phòng giao dịch Ngân hàng A huyện LG đã đôn đốc nhiều lần nhưng anh H chưa thanh toán khoản nợ trên. Nay Ngân hàng A chi nhánh huyện LG đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Đức H và chị Lương Thị TR cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán trả Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện LG số tiền gốc còn nợ là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 12.823.163 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 32.823.163 đồng và tiền lãi cho đến khi thanh toán xong theo thỏa thuận trong giấy vay vốn.

Tại phiên tòa hôm nay bà Tạ Thị Q đại diện cho Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu trên và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Bị đơn anh Nguyễn Đức H, chị Lương Thị TR đang có nghĩa vụ trả gốc và hàng tháng phải trả lãi Ngân hàng, anh Nguyễn Đức H, và chị Lương Thị TR mặc dù được Tòa án giao tổng đạt thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh H, chị TR không đến Tòa án làm việc, từ chối khai báo. Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải tại nơi cư trú của anh H, chị TR theo quy định của pháp luật, nhưng anh H, chị TR không đến Tòa án để viết bản tự khai, hòa giải và cung cấp chứng cứ. Anh H, chị TR cố tình trốn tránh nghĩa vụ với Ngân hàng không đến Tòa án làm việc từ chối khai báo.*

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Đức H và chị Lương Thị TR vắng mặt lần hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Phía bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 287 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc anh Nguyễn Đức H phải trả Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, tiền nợ lãi đến ngày xét xử là 6.411.500 đồng. Tổng cộng là: 16.411.500 đồng

Buộc chị Lương Thị TR phải trả Ngân hàng A nợ gốc là 10.000.000 đồng, tiền nợ lãi đến ngày xét xử là 6.411.500 đồng. Tổng cộng là: 16.411.500 đồng

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Ngày 13/10/2020, Tòa án nhân dân huyện LG thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp tín dụng giữa Ngân hàng A với bị đơn anh Nguyễn Đức H, và chị Lương Thị TR là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đức H chị Lương Thị TR vắng mặt lần hai không có lý do. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Về quan hệ tranh chấp: Ngày 27/8/2009 Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện LG có cho gia đình anh Nguyễn Đức H vay vốn chương trình hộ nghèo số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 0,65%/ tháng. Lãi suất quá hạn là 130% lãi suất cho vay. Trong đó lãi suất thực trả sau khi được hỗ trợ từ ngày 18/9 đến ngày 18/11 là 0,32%. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/02/2020 (tính cả thời gian khoanh nợ), mục đích vay sử dụng vào mục đích chăn nuôi tại gia đình. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía anh Nguyễn Đức H và chị Lương Thị TR đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong giấy vay vốn. Nay Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện LG đã khởi kiện đến Tòa án Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, có kỳ hạn, có lãi suất quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2] *Về nội dung*: Ngày 27/8/2009 Ngân hàng A chi nhánh huyện LG có cho gia đình anh Nguyễn Đức H vay vốn chương trình hộ nghèo số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 0,65%/ tháng. Lãi suất quá hạn là 130% lãi suất cho vay. Trong đó lãi suất thực trả sau khi được hỗ trợ từ ngày 18/9 đến ngày 18/11 là 0,32%. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/02/2020 (tính cả thời gian khoanh nợ), mục đích vay sử dụng vào mục đích chăn nuôi tại gia đình.

Sau khi Ngân hàng giải ngân, phía anh H, chị TR đã nhận tiền đầy đủ, nhưng

đến hạn trả nợ thì anh Nguyễn Đức H và chị Lương Thị TR chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hai bên đã cam kết. Do vậy Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đức H và chị Lương Thị TR cùng có trách nhiệm liên đới phải trả số tiền gốc còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi 12.823.100 đồng. Tổng cộng là 32.823.100 đồng. HĐXX xét thấy anh Nguyễn Đức H và chị Lương Thị TR vay số tiền này trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, nay anh chị đã ly hôn HĐXX xác định đây là khoản nợ chung của anh chị, nên yêu cầu trên của Ngân hàng A buộc anh Nguyễn Đức H và chị Lương Thị TR cùng có trách nhiệm liên đới buộc mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền gốc còn nợ Ngân hàng là 20.000.000 đồng và tiền lãi 12.823.100 đồng. Cụ thể anh H và chị TR mỗi người phải trả Ngân hàng tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 6.411.500 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 16.411.500 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về yêu cầu tính tiền lãi số tiền là 12.823.163 đồng của Ngân hàng A, HĐXX xét thấy theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay trưng trình cho vay vốn người nghèo ngày 27/8/2009 của Ngân hàng A đối với anh Nguyễn Đức H, chị Lương Thị TR thì thấy phía anh H, chị TR đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận giữa hai bên đã ký kết. Nay phía Ngân hàng yêu cầu tính lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng phù hợp với luật các tổ chức tín dụng và các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật các tổ chức tín dụng và quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì lãi và cách tính lãi được áp dụng trên cơ sở thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng nên được chấp nhận.

[3] *Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:* Do bị đơn anh Nguyễn Đức H, chị Lương Thị TR vắng mặt tại phiên tòa nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo mức đã giao kết trong Giấy vay vốn ngày 27/8/2009 của Ngân hàng đối với anh Nguyễn Đức H, chị Lương Thị TR tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng A số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002569 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

Do anh Nguyễn Đức H và chị Lương Thị TR là đối tượng thuộc diện hộ nghèo nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Đức H và chị Lương Thị TR là phù hợp với quy định tại điểm c Điều 11; điểm đ Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật

tổ tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 287 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm c Điều 11; điểm đ Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay trưng trình cho vay vốn người nghèo ngày 27/8/2009 của Ngân hàng A đối với anh Nguyễn Đức H, chị Lương Thị TR.

2. Buộc anh Nguyễn Đức H phải trả cho Ngân hàng A theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay trưng trình cho vay vốn người nghèo ngày 27/8/2009 số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 6.411.500 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 16.411.500 đồng

Buộc chị Lương Thị TR phải trả cho Ngân hàng A theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay trưng trình cho vay vốn người nghèo ngày 27/8/2009 số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 6.411.500 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 16.411.500 đồng.

Buộc anh Nguyễn Đức H, chị Lương Thị TR tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày 17/4/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay trưng trình cho vay vốn người nghèo ngày 27/8/2009 cho đến khi anh Nguyễn Đức H, chị Lương Thị TR thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng A.

3. Về án phí: Ngân hàng A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng A số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002569 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Đức H và chị Lương Thị TR.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Hoa